TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04/2021/QĐST-DS	*X, ngày 13 tháng 01 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 211; Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 36/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 01 năm 2021 (*thụ lý cũ số* 160/2020/TLST-DS ngày 18/12/2020) về việc *"Tranh chấp chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự"*.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị U, sinh năm 1991 và anh Phạm Huy H, sinh năm 1990 – Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Huy H Là nguyên đơn.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y

- Bị đơn: Chị Hồ Thị Kim Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đăk Mar, huyện X, tỉnh Y.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Hồ Thị Kim Th phải trả cho chị Phan Thị U và anh Phạm Huy H – Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Huy H số tiền tổng cộng là 31.252.000 đồng *(Ba mươi mốt triệu hai trăm năm mươi hai ngàn đồng)*, trong đó số tiền gốc là 27.198.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu một trăm chín mươi tám ngàn đồng)*, tiền lãi là 4.054.000 đồng *(Bốn triệu không trăm năm mươi tư ngàn đồng)*. Thời hạn trả nợ như sau:

Lần 01: Trả vào ngày 01/4/2021 với số tiền là 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*.

Lần 02: Trả vào ngày 01/6/2021 với số tiền là 21.252.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu hai trăm năm mươi hai ngàn đồng)*.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không chịu trả số tiền nêu trên thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ điều 144, khoản 3 điều 147 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 6, khoản 7 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phan Thị U và anh Phạm Huy H không khải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là **746.850 đồng** *(Bảy trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm năm mươi đồng)* theo biên lai số AA/2016/0004420 cho Chị Phan Thị U và anh Phạm Huy H. Chị Hồ Thị Kim Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **781.300 đồng** *(Bảy trăm tám mươi mốt ngàn ba trăm đồng)*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị N